TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2019/QĐHNGĐ-ST Ngày: 29-01-2019 V/v *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Ông Đinh Văn Long – Thẩm phán

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Khánh Vy – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hồng Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam mở phiên họp công khai để giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 02/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn",* theo Quyết định mở phiên họp số 01/2019/QĐPH-ST ngày 14 tháng 01 năm 2019.

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Nguyễn Phước T**, sinh năm 1993;

Nơi cư trú: Leopalace Skycoat 202, 3 Chome – 58 Toei, Chiryu-shi, Aichi-Ken, Nhật Bản, quốc tịch: Việt Nam. Địa chỉ hiện tại: Thôn 01, xã Phong, huyện V, thành phố Đà Nẵng.

- Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn P, xã Hiệp, huyện L, tỉnh Quảng Nam.

2. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:

Theo đơn yêu cầu ngày 27-12-2018 và bản trình bày ông Nguyễn Phước T và bà Trần Thị N thể hiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Phước T và bà Trần Thị N tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Sở hành chính thành phố Chiryu, tỉnh Aichi, Nhật Bản và ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn tại Đại sức quán Việt Nam tại Nhật Bản số 145/Q03-2016/TLGCKH ngày 01-4-2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc do phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nên bà N đã về Việt Nam sống cho đến nay. Vợ chồng ông T và bà N đã ly thân hơn 2 năm. Nhận thấy cuộc hôn nhân không hạnh phúc, không thể sống chung với nhau được nữa, tình trạng hôn nhân quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, ông Nguyễn Phước T và bà Trần Thị N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Phước T và bà Trần Thị N là việc hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 và điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và các tài liệu chứng cứ kèm theo của người yêu cầu bà Trần Thị N và ông Nguyễn Phước T cung cấp được công chứng, chứng thực chữ ký hợp pháp theo đúng quy định tại Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó được Tòa án chấp nhận. Ông T và bà N yêu cầu giải quyết vắng mặt và thực sự tự nguyện ly hôn, đều yêu cầu được công nhận thuận tình ly hôn, nên không thuộc trường hợp phải tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do đó, Tòa án tiến hành xét đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự theo quy định tại Điều 369 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Phước T và bà Trần Thị N tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Sở hành chính thành phố Chiryu, tỉnh Aichi, Nhật Bản và ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn tại Đại sức quán

Việt Nam tại Nhật Bản số 145/Q03-2016/TLGCKH ngày 01-4-2016 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; do đó, việc kết hôn của bà N và ông T là đúng pháp luật. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân của bà N và ông T không hạnh phúc do phát sinh nhiều mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống, đã ly thân hơn 2 năm. Nay, bà N và ông T nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống chung được nữa, yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, cuộc sống chung của bà N và ông T không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà Trần Thị N và ông Nguyễn Phước T là tự nguyện, phù hợp theo quy định Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được xem xét chấp nhận.

[3] Về con chung; tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Phước T không có và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Phước T phải chịu lệ phí theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 369, Điều 370 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, Điều 9, Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Phước T và bà Trần Thị N.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị N và ông Nguyễn Phước T mỗi người phải nộp 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000247 ngày 10-01-2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Đinh Văn Long